

Bản án số: 92/2020/HSST
Ngày 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải; Bà Bùi Thị Đào; Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với:

*** Bị cáo:**

Phùng Thị H; sinh ngày 03 tháng 02 năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Phùng Đình T, sinh năm 1949 và bà Đình Thị N, sinh năm 1949; Chồng là Bùi Văn T, sinh năm 1975 và 02 người con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Phùng Xuân T; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1954; Nơi cư trú: Thôn Mxã T, huyện C, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Phùng Xuân T và bà Trịnh Thị N (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1981 và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Thị H: Luật sư Nguyễn Bá Linh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Xuân T: Luật sư Nguyễn Văn Ánh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người bị hại:**

- Ông Nguyễn Xuân Ng; sinh năm 1961, nơi cư trú: thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1970, nơi cư trú: thôn Đồn, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu 10, Làng Chìa, xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Bà Trương Thị L; sinh năm 1976, nơi cư trú: thôn Vân Đình, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị O; sinh năm 1977, nơi cư trú: bản Xưởng Chè, xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Ông Đoàn Bá D; sinh năm 1959; nơi cư trú: Khu 9, phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh P; có mặt.

- Ông Phùng Văn T; sinh năm 1960, nơi cư trú: Bản Nà Xe, xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1968, nơi cư trú: Đội 1, Thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Bùi Văn T; sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Vọng Th, xã Thành Tựu, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Anh Lê Văn Q; sinh năm 1996, nơi cư trú: tổ 5, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Nguyễn Thế N; sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ 9, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình; vắng mặt.

- Bà Bùi Thị L, nơi cư trú: thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn B, nơi cư trú: thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Ông Bùi Văn T, chị Bùi Thị Ngọc L, nơi cư trú: Thôn Đồn, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Chị Bùi Thị Ngọc L, nơi cư trú: Thôn Đồn, xã Kim Long, huyện Tam

Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Anh Vũ Việt A; sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 4, xã Hương Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Chị Trương Thị H; sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn Vân Đình, xã Thạch Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Kiều M; sinh năm 1997, nơi cư trú: Bản Xưởng Chè, xã Mùong Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi của Phùng Thị H sử dụng trang phục, giấy chứng minh Công an nhân dân giả để nhận hồ sơ, tiền xin đi học, xin việc của 06 bị hại, chiếm đoạt số tiền 1.027.000.000 đồng.

Phùng Thị H, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H, mặc dù không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng xin đi học, đi làm cho người khác nhưng đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối; sử dụng quần áo, giấy tờ Công an nhân dân giả; đóng giả là cán bộ Công an trường Đại học phòng cháy chữa cháy nhận tiền, hồ sơ xin việc của những người bị hại, sau đó chiếm đoạt. Cụ thể:

Tháng 6/2016, để thuận tiện cho việc đi lại, tránh lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra và tạo niềm tin với những bị hại đang nhờ xin việc, xin đi học, Phùng Thị H đặt mua trên mạng xã hội trang phục Cảnh sát nhân dân gồm quần, áo, cấp hàm, ve hàm, 02 số hiệu Công an nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Huyền 324-253. Sau đó, đến một cửa hàng photo copy ở Đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội, gặp một phụ nữ (chỉ biết tên là Thúy), thỏa thuận mua 01 Chứng minh công an nhân dân, cấp úy, Sĩ quan nghiệp vụ, đơn vị PC45 Công an tỉnh H và 01 thẻ học viên hệ liên thông lớp LK7B-040 trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, đều mang tên Nguyễn Thanh Huyền. H cung cấp ảnh cho Thúy qua zalo, khoảng 1 tuần sau, có người đến giao cho H, giá tiền là 300.000 đồng.

Khoảng tháng 4/2016, H có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989, trú tại thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. H nói dối anh B tên là Huyền, nhà ở tỉnh H, là cán bộ Công an công tác tại trường Đại học phòng cháy chữa cháy. Anh B đưa H về nhà gặp anh em, họ hàng, người thân trong gia đình, về nhà B, nhiều lần H mặc trang phục Cảnh sát nhân dân, đeo cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu tên Nguyễn Thanh Huyền và giới thiệu bản thân như trên đồng thời đưa ra thông tin có khả năng xin đi học, đi làm cho người khác, nhận tiền của 05 người thân anh B để xin đi học, đi làm, sau đó chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

- Trường hợp thứ nhất, chiếm đoạt của ông Nguyễn Xuân Ng, sinh năm

1961, trú tại thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc 107.000.000 đồng

Năm 2016, H đến nhà B và gặp ông Nguyễn Xuân Ng, bà Bùi Thị L (bố, mẹ của B), H mặc trang phục cảnh sát nhân dân, đeo biển hiệu tên Nguyễn Thanh Huyền, giới thiệu là cán bộ Công an trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. Qua nói chuyện, H đưa ông Ng xem Giấy chứng minh công an nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Huyền, nói có thể xin cho hai con của ông Ng là Nguyễn Văn B vào công tác tại Trung tâm sát hạch lái xe Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy với giá 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn Thụy (em trai B) học ở trường Cao đẳng Y Sơn Tây, sau đó sẽ xin cho Thụy vào bộ phận y tế của trường Đại học Phòng cháy chữa cháy với giá 40.000.000 đồng. Ngoài ra, H nói mua được xe SH thanh lý cho Nguyễn Văn Tiệp (anh trai B) nên gia đình tiếp tục nhờ H mua xe cho con trai.

Tin tưởng hứa hẹn của H, gia đình ông Ng đã đưa cho H 107.000.000 đồng, gồm: 50.000.000 đồng xin chuyển công tác cho B (từ bộ đội sang làm giáo viên dạy lái ô tô trường Phòng cháy chữa cháy), 40.000.000 đồng xin việc cho Thụy, 17.000.000 đồng nhờ H mua xe cho Tiệp. Sau khi nhận tiền, H chi tiêu, sử dụng cá nhân, không xin việc và mua xe, đến nay không trả lại tiền. Ngày 09/8/2019, ông Nguyễn Xuân Ng đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

- *Trường hợp thứ hai, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, trú tại thôn Đôn, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc 85.000.000 đồng*

Nguyễn Thị L (mợ của B), do có nhu cầu xin việc cho con gái là Bùi Thị Ngọc L1, H nói có thể xin cho L1 năm đầu học hệ dân sự, năm thứ hai chuyển sang hệ chính quy trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. Để tạo niềm tin, yêu cầu gia đình nộp 120.000.000 đồng tiền xin việc. Tin tưởng H, trong năm 2016, bà L đã 05 lần đưa cho H tổng số tiền 85.000.000 đồng, tại các địa điểm khác nhau: tại nhà bà L (có Nguyễn Văn B, Bùi Thị L, Nguyễn Văn Thụy, Bùi Văn Tĩnh - chồng bà L chứng kiến), tại cổng làng Vĩnh Yên, tại Ngã tư 4 Sơn Lộc, tại cổng Trường Cao đẳng Quân y Sơn Tây, tại đầu cầu Vĩnh Thịnh. Các lần đưa tiền đều không làm giấy tờ giao nhận (bị hại trình bày đưa 136.900.000 đồng nhưng không có giấy tờ giao nhận và không có căn cứ khác chứng minh).

Sau khi nhận tiền, H nộp hồ sơ của L1 vào trường Cao đẳng Quân y I Sơn Tây. Quá trình học tập, gia đình bà L có đưa tiền nhờ H đóng học phí và mua máy tính xách tay cho L1, H nhận nhưng không thực hiện. Tháng 10/2018, L1 tốt nghiệp nhưng không được chuyển sang trường Đại học Phòng cháy chữa cháy như đã thỏa thuận trước đó. Toàn bộ số tiền 85.000.000 đồng, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân, đến nay chưa trả lại. Ngày 09/8/2019, bà Nguyễn Thị L có đơn trình báo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

- *Trường hợp thứ ba, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965 trú tại Khu 10, Làng Chùa, xã Hường Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc 285.000.000 đồng*

Nguyễn Thị H1 (thím của B), có con trai là Vũ Việt Anh, sinh năm 1990, đang có nhu cầu xin việc làm. Tháng 9/2016, thông qua Nguyễn Xuân Ng cũng đang nhờ H xin việc cho con là Nguyễn Văn Thụy, cháu là Bùi Thị Ngọc L1, H1 đặt vấn đề xin việc với H. H nói “*Có anh làm ở Bộ Công an, cháu sẽ lo cho con cô vào Công an Hà Nội theo xuất VIP của lãnh đạo*”, yêu cầu gia đình nộp số 200.000.000 đồng. H hướng dẫn Việt Anh làm hồ sơ đăng ký học hệ dân sự trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. Gia đình bà 1 đã đưa cho H 285.000.000 đồng, chia thành nhiều đợt (150.000.000 đồng tại nhà ông Ng; 80.000.000 đồng tại Bệnh viện đa khoa huyện Tam Dương; 50.000.000 đồng tại khu Dốc Láp, Vĩnh Phúc; 5.000.000 đồng tại nhà Nguyễn Văn B). Giữa năm 2017, Việt Anh thôi học hệ dân sự tại trường Đại học phòng cháy chữa cháy do H không xin được việc như đã thỏa thuận. Toàn bộ số tiền 285.000.000 đồng, H chiếm đoạt, sử dụng, chi tiêu cá nhân. Ngày 09/8/2019, bà H1 làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

- Trường hợp thứ tư, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979, trú tại thôn Đồng Tâm, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc 160.000.000 đồng

Nguyễn Thị Th (thím của B) có con trai là Nguyễn Văn Sỹ, sinh năm 1999, chưa xin được việc. Biết ông Ng đang nhờ H xin việc cho B, Thủy đặt vấn đề xin việc cho Sỹ với H, H giới thiệu tên là Nguyễn Thanh Huyền, làm ở Công an tỉnh H, sẽ lo cho Nguyễn Văn Sỹ vào học trường Đại học phòng cháy chữa cháy hệ trung cấp, sau khi học xong tự lo xin việc, còn nếu muốn xin vào cơ quan nhà nước thì đưa 120.000.000 đồng. Gia đình Th đã 03 lần đưa tiền cho H, tổng số 160.000.000 đồng, cụ thể: Tháng 6/2017, giao cho H 120.000.000 đồng tại nhà ông Ng (có Nguyễn Xuân Ng, Bùi Thị L, Nguyễn Văn B chứng kiến). Tháng 7/2017, H gọi điện yêu cầu đưa thêm 30.000.000 đồng, Th giao tiền cho H tại nhà ông Ng, có Nguyễn Văn Thụy chứng kiến. Tháng 11/2017, H gọi điện yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng. Th cùng Nguyễn Văn Sỹ đến chỗ trọ của H tại xã Th Xuân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đưa 10.000.000 đồng. Ngày 21/11/2017, lập giấy vay nhận tiền 160.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chi tiêu, sử dụng cá nhân, không xin cho Sỹ đi học như đã thỏa thuận, không trả lại tiền. Do không liên lạc được với H, ngày 09/8/2019, Th làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

- Trường hợp thứ năm, chiếm đoạt của bà Trương Thị L, sinh năm 1976, trú tại Thôn Vân Đình, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa 190.000.000 đồng

Tháng 12/2018, trong một lần đi dự đám cưới, Phùng Thị H làm quen với Bùi Văn Thuận (công tác tại ủy ban nhân dân xã Thành Tựu, huyện Thạch Thành), H giới thiệu tên là Nguyễn Thanh Huyền, cán bộ trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, có khả năng xin được việc làm và cho Thuận số điện thoại của H để liên lạc. Tin tưởng H, Thuận trao đổi với Trương Thị L (là thông gia), có con tên Trương Thị H2, sinh năm 1996, tốt nghiệp hệ dân sự trường Đại học Phòng

cháy chữa cháy, chưa xin được việc làm. Do có nhu cầu xin việc cho con, bà L đã chủ động gọi vào số điện thoại 0969.393.290 H đưa cho Thuận để trao đổi, H giới thiệu với bà L đang công tác tại bộ phận hồ sơ của Đội Phòng cháy số 4 Công an quận Hà Đông và nói: “Chị chuẩn bị hồ sơ cho cháu, giá tiền là 400.000.000 đồng, đặt trước 130.000.000 đồng, sau này được thì nộp tiếp, em đã nhận hồ sơ là sắp sẽ đồng ý thôi”. Tin vào thông tin của H, gia đình bà L đã giao cho H 190.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 08/01/2019, L cùng H2 và Thuận gặp H tại quán cà phê cạnh Đội phòng cháy chữa cháy số 4, Hà Đông, H nhận 30.000.000 đồng cùng 01 bộ hồ sơ của H2, hứa “đến tháng 3/2019 sẽ có quyết định đi làm, nếu không được em sẽ trả lại đầy đủ”, có làm giấy vay tiền. Sau đó, L chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank, số tài khoản 9704050767327476 của H 100.000.000 đồng, tổng 130.000.000 đồng. Ngày 28/02/2019, H gọi điện cho L yêu cầu nộp thêm 200.000.000 đồng, do không có đủ tiền, L chuyển cho H2 60.000.000 đồng để giao trước cho H, H nhận của H2 60.000.000 đồng tại Nhà nghỉ ngõ 14, Vũ Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội, có làm giấy giao nhận.

H không xin việc cho H2 như đã thỏa thuận mà sử dụng tiền chi tiêu cá nhân, nhiều lần gọi điện nhưng H khát lần không trả. Ngày 08/8/2019, nghe tin H bị bắt, bà L làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H.

- Trường hợp thứ sáu, thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bà O nhờ Phùng Xuân T xin việc

Khoảng tháng 7/2019, thông qua Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1968, trú tại thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Phùng Xuân T biết một phụ nữ tự giới thiệu tên Huyền, là cán bộ Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy Bộ Công an (tên thật là Phùng Thị H, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H). T nói với H muốn xin cho cháu ở huyện Phù Yên đi học trường Công an, H nói có khả năng xin cho cháu Nguyễn Thị Kiều M học trường Đại học phòng cháy chữa cháy với giá 200.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, T viết giấy vay tiền của H 200.000.000 đồng và đưa hồ sơ của M cho H, H hẹn sẽ đến nhà M để xác minh lý lịch. Ngày 29/7/2019, H mặc trang phục Cảnh sát nhân dân; đeo quân hàm đại úy; đeo số hiệu Công an nhân dân 324-253; mang theo giấy chứng minh Công an nhân dân, thẻ học viên hệ liên thông lớp LK7B-040 trường Đại học Phòng cháy chữa cháy mang tên Nguyễn Thanh Huyền cùng các giấy tờ cá nhân, gọi điện bảo T đi cùng và nhờ anh Lê Văn Q, sinh năm 1996 trú tại tổ 5, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội điều khiển xe ô tô chở đi.

T rủ D (để chỉ nhà bà O) và nhờ anh Nguyễn Thế Nam, sinh năm 1967, trú tại tổ 9, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình điều khiển xe ô tô cùng H đi đến nhà bà O. Tại nhà bà O, H giới thiệu tên Huyền, cán bộ Công an Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, đến thăm tra lý lịch đi học cho cháu M và lập 01 “B bản lời khai xác minh” với nội dung: “Tôi là Nguyễn Thanh Huyền. Đơn vị công tác T34. Địa chỉ thuộc 243 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội... xác minh tình trạng vợ chồng... xác minh thế hệ ông bà...

thành phần gia đình... lời khai bố mẹ cháu Nguyễn Thị Kiều M hoàn toàn đúng sự thật... ”. Khi H đang trao đổi với gia đình bà O thì bị tổ công tác Công an Đoàn Tân Lang, huyện Phù Yên phát hiện, lập B bản sự việc.

2. Hành vi của Phùng Xuân T dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị O

Phùng Xuân T, sinh năm 1954, Ng là cán bộ đã nghỉ hưu từ năm 1996, mặc dù không có khả năng xin đi học, đi làm cho người khác nhưng T đã đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền, hồ sơ xin việc, sau đó chiếm đoạt 600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị O.

Tháng 5/2016, bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1977, trú tại bản Xưởng Chè, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên muốn xin cho con là Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1997 xét tuyển học tại trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân. Bà O nói chuyện với ông Phùng Văn T, sinh năm 1960, trú tại bản Nà Xe, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, được ông T giới thiệu đến gặp Đoàn Bá D, sinh năm 1959, trú tại khu 9, phường C, thành phố V, tỉnh P (là cán bộ Công an đã nghỉ hưu). Quá trình nói chuyện, ông D nói quen Phùng Xuân T, sinh năm 1954, trú tại thôn Miếu Môn, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, có khả năng xin được việc. Sau đó, bà O và ông T được ông D dẫn đến gặp T tại nhà T. Khi gặp nhau, bị cáo giới thiệu bản thân làm ở “Tổ công tác đặc biệt” của Trung ương, nhiều mối quan hệ ở Bộ Công an, có thể xin được cho cháu M vào học trường Trung cấp cảnh sát hoặc vào làm trong ngành Công an, giá thỏa thuận trong các lần nói chuyện là 600.000.000 đồng, bà O đồng ý. Ngày 17/6/2016, bà O cùng chồng là Nguyễn Đình Vinh, ông T, ông D đến nhà T, giao trước cho T 200.000.000 đồng, do chỉ biết T qua ông D nên bà O đã viết giấy giao tiền với ông D nhưng thực tế, tiền và hồ sơ của M giao cho T. Ngày 11/7/2016, bà O cùng T, D tiếp tục đến nhà, đưa cho T 200.000.000 đồng, tương tự lần trước, bà O viết giấy giao tiền với ông D nhưng thực tế tiền đưa cho T. Khoảng một tháng sau, T gọi điện yêu cầu bà O đưa tiếp 200.000.000 đồng và bảo ông D lấy tiền hộ. Ngày 13/8/2016, ông D đến gặp bà O tại nhà ông T, bà O đã đưa cho ông D 200.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ giao nhận, ông D cầm số tiền trên đưa lại cho T (không làm giấy tờ giao nhận). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân, không liên lạc với ai để xin đi học cho M như thỏa thuận; gia đình bà O nhiều lần yêu cầu T trả lại tiền nhưng bị cáo chỉ hứa hẹn, không trả. Đến tháng 7/2019, T đưa hồ sơ của M, nhờ Phùng Thị H xin việc và H bị bắt như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã thu giữ của bị cáo, bị hại và người có liên quan các đồ vật, tài liệu sau:

(1) Vật chứng do Tổ công tác Đoàn Công an Tân Lang, Công an huyện Phù Yên thu giữ của Phùng Thị H tại nhà bà Nguyễn Thị O: 01 bộ quần áo nữ cảnh sát nhân dân, trang phục xuân hè, quân hàm đại úy; 01 (một) đôi giày da đen do công ty 19-5 BCA sản xuất năm 2016; 01 (một) đôi tất nữ màu xanh; 01 (một) thẻ AGRIBANK mang tên Phùng Thị H số 9704050767327476; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 113076592 mang tên Phùng Thị H, do Công an tỉnh H cấp

ngày 22/02/2019; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Phùng Thị H, số 011118016377 do Sở giao thông Hà Nội cấp ngày 28/6/2019; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, IMEL 356825074027905, bên trong có gắn 01 sim 0969393290; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, IMEL 352610061366381, bên trong gắn 01 sim; 01 xe ô tô BKS 29H- 229.32, nhãn hiệu TOYOTA HILUX, số khung 3DD5K1900825, số máy 2GD8368696; 01 xe ô tô BKS 30F-822.67, nhãn hiệu TOYOTA VIOS, số khung RL4B23F39K5070206, số máy 2NRX466207;

(2) Phùng Thị H giao nộp: 01 (một) giấy chứng minh công an nhân dân số 324-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền; 01 (một) thẻ học viên hệ liên thông;

(3) Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phùng Thị H số nhà 91, ngõ 02, Đại lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội, tạm giữ: 01 (một) hồ sơ mang tên Trương Thị H2; 01 (một) hồ sơ mang tên Nguyễn Văn Thụy; 01 (một) hồ sơ mang tên Bùi Thị Ngọc L1; 01 bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Kiều M; Học bạ THPT số 166/2005/THPT, 01 (một) bằng tốt nghiệp THPT số 4317445/PT, 01 giấy khai sinh số 387 đều mang tên Vũ Việt Anh; 01 sơ yếu lý lịch, bằng tốt nghiệp THPT (bản photo), đơn xin xác nhận dân sự; chứng minh thư nhân dân (bản photo), sổ hộ khẩu (bản photo) đều mang tên Lộc Minh Chiến; 02 bộ trang phục quần áo Công an nhân dân nữ xuân hè, 02 bộ trang phục áo Công an nhân dân nữ thu đông, không gắn ve hàm;

(4) Tạm giữ của Phùng Xuân T: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, IMEL 356646102159779/01, bên trong gắn 01 sim số 0359328643; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu PHILIPS màu đen, IMEL 861277035311747, bên trong gắn 01 sim số 0962356228.

(5) Tạm giữ đồ vật do Bùi Thị Ngọc L1 giao nộp (của Phùng Thị H cho L1): 01 (một) quần dài loại an ninh nhân dân; 01 đôi giày nữ Công an nhân dân, 01 đôi tất nữ Công an nhân dân; 01 bộ ve hàm, quần hàm Công an dân; 01 cà vạt Công an nhân dân.

Kết quả giám định:

- Ngày 31/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên Quyết định trưng cầu giám định số 128 giám định Giấy chứng minh Công an nhân dân số 324-253; thẻ học viên hệ liên thông Đại học Phòng cháy chữa cháy; 02 (hai) biển hiệu số 423-253 đều mang tên Nguyễn Thanh Huyền. Tại Kết luận giám định số 1346 ngày 05/8/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Giấy chứng minh Công an nhân dân số 342-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền đề Công an tỉnh H cấp ngày 01/10/2011 là Giấy chứng minh Công an nhân dân giả; Thẻ học viên hệ liên thông Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, Bộ Công an mang tên Nguyễn Thanh Huyền là Thẻ học viên giả; 02 (hai) Biển số hiệu Công an nhân dân số 324-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền là Biển số hiệu Công an nhân dân giả*”.

- Ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên

Quyết định trưng cầu giám định số 130 giám định chữ ký, chữ viết của Đoàn Bá D trên giấy B nhận ký hiệu A1, A2 với mẫu cần so sánh ký hiệu M3; Chữ ký, chữ viết của Phùng Xuân T trên giấy vay tiền ký hiệu A3 với mẫu cần so sánh ký hiệu M1, M2; Phần chữ viết tay trong giấy vay tiền ký hiệu A3 với mẫu cần so sánh ký hiệu M1, M2; Chữ ký, chữ viết của Phùng Xuân T trên giấy vay tiền ký hiệu A4 với mẫu so sánh ký hiệu M1, M2. Tại Kết luận giám định số 1390 ngày 13/8/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đoàn Bá D dưới mục “Người nhận ” trên giấy B nhận giữa Nguyễn Thị O và D ký hiệu A1, A2 là của Đoàn Bá D. Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Xuân T dưới mục “Bên B ” và phần chữ viết tay dưới mục bên B có nội dung “*Tôi đã đọc và nhất trí nội dung trên là đúng - nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm (với số tiền 600 triệu tròn)*” trên giấy vay tiền giữa Nguyễn Thị O và T ký hiệu A3 đều là của Phùng Xuân T. Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Xuân T dưới mục “*Người vay ký*” trên giấy vay tiền giữa Phùng Thị H và T ký hiệu A4 là của Phùng Xuân T.

- Ngày 12/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên Quyết định trưng cầu giám định số 132 giám định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh Huyền trên các giấy tờ giao nhận, cụ thể: Phần chữ viết có nội dung: “*Hôm nay ngày 08/01/2019, tôi Nguyễn Thanh Huyền địa chỉ Lg Sơn, H, đơn vị công tác CA, PCCP số 4 Hà Đông, Hà Nội có nhận của chị Trương Thị L địa chỉ Thành Mỹ, Thạch Thành, Thanh Hóa số tiền 130.000.000 đồng, lý do nhận tiền giúp xin việc vào CA PCCP, tôi xin cam kết, nếu không lo được tôi xin hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên*”. Phần chữ viết có nội dung: “*B nhận tiền, hôm nay ngày 28/2/2018 tại Hà Nội, tên tôi là Nguyễn. T. Huyền có nhận từ em Trương.T. H2 với tổng số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn), B bản này xác nhận việc hai bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận và bàn giao*”. Phần chữ viết có nội dung: “*Giấy nhận tiền, tôi Nguyễn Thanh Huyền Đ/c thôn Xuân Th - xã Th Xuân Tiên - Chương Mỹ - Hà Nội. Hôm nay ngày 21/11/2017 tôi có nhận 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) mục đích tôi nhận số tiền này là xin học cho em (Sỹ) nhưng do có chút lý do không xin vào trường học nữa, hiện nay tôi chưa lấy lại được số tiền trên, tôi đề nghị gia đình cho tôi thời gian là 45 ngày tôi lấy lại số tiền hoàn trả lại cho gia đình, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với việc làm của tôi*”. Ngày 29/8/2019, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1430 kết luận: toàn bộ chữ ký, chữ viết với nội dung trên đều cùng một người, là của Phùng Thị H.

Quá trình điều tra, Phùng Thị H và Phùng Xuân T khai nhận:

Phùng Thị H khai bản thân không phải là cán bộ Công an, không có khả năng xin đi học, đi làm cho người khác. Sau khi nhận tiền của các bị hại, H đã nộp hồ sơ của các cá nhân vào các trường xét tuyển như Cao đẳng quân y I, hệ dân sự trường Đại học phòng cháy chữa cháy để cho họ đi học, đồng thời hứa hẹn sau khi đi học sẽ xin cho đi làm. Số tiền còn lại, H sử dụng chi tiêu cá nhân. Lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai bị cáo T về nội dung nhận 200.000.000 đồng (bằng hình thức viết giấy nợ) của T để xin đi học cho cháu M.

Phùng Xuân T khai bản thân không có khả năng xin đi học, đi làm cho người khác, nhận thức được việc đi học, đi làm phải thi, xét tuyển theo đúng quy định của Nhà nước. Sau khi nhận tiền của bà O, T đã đưa cho Trần Quốc Du, sinh năm 1963, trú tại đội 1, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội 200.000.000 đồng, nhờ Du xin cho M vào ngành Công an. T quen biết Du qua các mối quan hệ xã hội, Du nói bản thân là cán bộ Công an của Cục Phòng cháy chữa cháy, có thể xin cho người khác vào ngành Công an, tin tưởng Du nên T đã giao tiền cho Du, việc giao nhận tiền có giấy tờ giao nhận nhưng sau đó T làm thất lạc, chỉ còn ảnh chụp trên điện thoại. Ngoài ra, T đưa 200.000.000 đồng cho Phạm Ngọc Đoàn, sinh năm 1962, trú tại Phố Vôi, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội cũng để nhờ xin đi học, đi làm cho M, việc đưa tiền không làm giấy tờ giao nhận, số tiền 200.000.000 đồng còn lại, T sử dụng chi tiêu cá nhân. T không biết H giả danh Công an, mục đích viết giấy vay 200.000.000 đồng với H là để thỏa thuận xin đi học cho M, nếu xin được, T sẽ trả số tiền trên cho H. Kết quả xác minh, gia đình và chính quyền địa phương xác nhận ông Du đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 8/2018, không biết ở đâu, ngày 12/01/2020, gia đình nhận tin ông Du đã tử vong. Phạm Ngọc Đoàn khẳng định không được nhận tiền từ T để xin đi học, xin việc cho ai, ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh mối liên quan giữa T, Đoàn trong vụ án, buộc T phải chịu trách nhiệm về số tiền 600.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị O.

Kết quả xác minh tại Trường Đại học phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Trường Cao đẳng y tế I, Học viện Quân Y: Đối với hệ học Đại học của trường việc xét tuyển dựa trên điểm thi trung hoặc phổ thông Quốc gia đối với thí sinh; hệ trung cấp, hệ đào tạo dân sự những học sinh có nhu cầu học tập tại nhà trường chỉ cần nộp hồ sơ để xét tuyển. Nhà trường không có quy định chuyển hệ học từ dân sự sang chính quy đối với học sinh.

Tại bản cáo trạng số 98/VKS-P1 ngày 07/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Phùng Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Truy tố Phùng Xuân T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ Ngăn quan điểm truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với các bị cáo như cáo trạng đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị H từ 15 đến 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 03 đến 04 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 18 đến 20 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Xuân T từ 12 đến 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản;

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phùng Xuân T trả lại số tiền 600.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho người bị hại Nguyễn Thị O.

Buộc bị cáo Phùng Thị H trả lại số tiền 827.000.000 đồng cho 05 người bị hại, cụ thể như sau: ông Nguyễn Xuân Ng 107.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L 85.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 285.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Th 160.000.000 đồng; bà Trương Thị L 190.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật;

Về án phí: Buộc các bị cáo Phùng Thị H, Phùng Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Bá Linh bào chữa cho bị cáo Phùng Thị H: Nhất trí về tội danh và hành vi của các bị cáo gây ra, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội không oan sai. Sau khi bị bắt, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Văn Ánh bào chữa cho bị cáo Phùng Xuân T: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh và điều luật áp dụng. Bị cáo vì muốn xin việc cho bị hại nên đã đưa tiền cho những người mà bị cáo tin rằng có khả năng xin được việc, do đó thực chất bị cáo cũng chỉ là nạn nhân của những hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác; trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo là người cao tuổi, đã từng tham gia trong quân đội được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng bằng khen và Huân chương chiến sỹ vẻ vang tuy nhiên do thời gian quá lâu nên đã làm thất lạc những giấy tờ trên; bị cáo có bố là ông Phùng Xuân Tuyển và anh trai là Phùng Xuân Tiến từng tham gia cách mạng được Nhà nước tặng thưởng giấy khen và huân chương chiến sỹ giải phóng, hơn nữa lỗi một phần cũng thuộc về người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Thị H và bị cáo Phùng Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bị hại đều có ý kiến yêu cầu các bị cáo Phùng Thị H và Phùng Xuân T phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an huyện Phù Yên, Công an tỉnh Sơn La; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Phùng Thị H, Phùng Xuân T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng trong vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian, địa điểm và diễn biến hành vi đều thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác đã thể hiện: Phùng Thị H đã có hành vi đặt mua trên mạng xã hội trang phục Cảnh sát nhân dân, cấp hàm, cấp hiệu, số hiệu, thẻ học viên và giấy chứng minh Công an nhân dân giả. Trong các năm từ 2016 đến năm 2019, Phùng Thị H nhiều lần mặc trang phục Cảnh sát nhân dân, giả danh cán bộ Công an để tạo lòng tin sau đó hứa hẹn xin đi học, xin việc làm cho một số cá nhân, bị cáo đã nhận và chiếm đoạt 827.000.000 đồng của 05 người bị hại. Tiếp sau đó vào tháng 7/2019, H tiếp tục giới thiệu là cán bộ Công an trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, thỏa thuận nhận của bị cáo Phùng Xuân T 200.000.000 đồng và đến nhà bà Nguyễn Thị O để thực hiện hành vi lừa đảo. Tổng số tiền H phải chịu trách nhiệm hình sự qua các lần thực hiện hành vi lừa đảo là 1.027.000.000 đồng.

Cùng thời gian đó, tháng 5/2016, bị cáo Phùng Xuân T mặc dù không có khả năng xin việc làm nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin bản thân làm ở “Tổ công tác đặc biệt” của Trung ương, có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin đi học, đi làm để nhận 600.000.000 đồng từ gia đình bà Nguyễn Thị O. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ bà O, bị cáo đã chiếm đoạt và sử dụng chi tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo của những người bị hại về việc các bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, sai sự thật để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như: Phùng Thị H đã mặc trang phục cảnh sát nhân dân nhiều lần giới thiệu bản thân là cán bộ Công an có khả năng xin đi học, xin việc làm cho nhiều người nhưng không giúp được như đã hứa, những người bị hại đã đòi nhiều lần nhưng bị cáo không hoàn trả số tiền đã nhận.

- Đơn trình báo của bà Nguyễn Thị O về việc bị cáo Phùng Xuân T đã nhận số tiền 600.000.000đ của gia đình và hứa hẹn sẽ xin được việc làm cho gái bà O

nhưng không giúp được như đã hứa.

- Kết luận giám định số 1346 ngày 05/8/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Giấy chứng minh Công an nhân dân số 342-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền đề Công an tỉnh H cấp ngày 01/10/2011 là Giấy chứng minh Công an nhân dân giả; Thẻ học viên hệ liên thông Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, Bộ Công an mang tên Nguyễn Thanh Huyền là Thẻ học viên giả; 02 (hai) Biển số hiệu Công an nhân dân số 324-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền là Biển số hiệu Công an nhân dân giả*”.

- Kết luận giám định số 1390 ngày 13/8/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đoàn Bá D dưới mục “Người nhận ” trên giấy B nhận giữa Nguyễn Thị O và D ký hiệu A1, A2 là của Đoàn Bá D. Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Xuân T dưới mục “Bên B ” và phần chữ viết tay dưới mục bên B có nội dung “*Tôi đã đọc và nhất trí nội dung trên là đúng - nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm (với số tiền 600 triệu tròn)*” trên giấy vay tiền giữa Nguyễn Thị O và T ký hiệu A3 đều là của Phùng Xuân T. Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Xuân T dưới mục “*Người vay ký*” trên giấy vay tiền giữa Phùng Thị H và T ký hiệu A4 là của Phùng Xuân T.

- Kết luận giám định số 1430 ngày 29/8/2019, của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: Toàn bộ chữ ký, chữ viết ghi trong các giấy nhận tiền gửi giám định đều cùng một người, là của Phùng Thị H viết và ký nhận.

- Lời khai nhận tội của của bị cáo thừa nhận đã hứa hẹn với những người bị hại, nhận tiền của họ nhưng sau đó không thực hiện và chưa trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

- Kết quả điều tra đã thu thập được các tài liệu, chứng cứ về việc trao đổi, giao nhận tiền giữa các bị cáo và người bị hại trong việc hứa hẹn xin đi học, xin việc làm cho gia đình người bị hại.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phùng Thị H đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Phùng Xuân T phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Phùng Thị H đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của 06 bị hại với tổng số tiền là 1.027.000.000 đồng (trong đó 827.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt được của 05 bị hại và 200.000.000 đồng bị cáo đang trong quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt thì bị bắt quả tang); Bị cáo Phùng Xuân T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 01 bị hại với số tiền là 600.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt số tiền*

có giá trị từ 500.000.000đ trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, có khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra bị cáo Phùng Thị H nhiều lần sử dụng trang phục, giấy chứng minh Công an nhân dân giả thực hiện hành vi phạm tội, vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015, có khung hình phạt tù từ ba năm đến bảy năm.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo Phùng Thị H, Phùng Xuân T đều là người có trình độ học vấn, nhận thức rõ về hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo không có chức vụ, không có khả năng xin việc làm, xin đi học nhưng đã đưa ra những thông tin không có thật nhằm mục đích lừa dối chiếm đoạt tài sản của người khác, số tiền các bị cáo chiếm đoạt lớn, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương mà còn ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cán bộ, cơ quan Nhà nước (nhất là cán bộ trong lực lượng Công an, Quân đội). Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Phùng Thị H ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản của 05 người bị hại với số tiền 827.000.000 đồng, bị cáo còn có hành vi giúp sức cho bị cáo Phùng Xuân T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị O, mặc dù bị cáo chưa nhận được số tiền 200.000.000đ, nhưng hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt (Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng).

Bị cáo Phùng Xuân T có hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại Nguyễn Thị O với số tiền 600.000.000 đồng và còn có hành vi rủ rê, lôi kéo Phùng Thị H đóng giả làm cán bộ công tác trong lực lượng Công an nhân dân để che giấu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị O, khi H đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị phát hiện, bắt quả tang.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phùng Thị H có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phùng Thị H và bị cáo Phùng Xuân T đều thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phùng Xuân T là người cao tuổi, đã từng tham gia trong quân ngũ, bị cáo có bố là ông Phùng Xuân Tuyển được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng vàng danh dự, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ứng H và Ty Y tế tỉnh Hà Tây tặng giấy khen; anh trai là Phùng Xuân Tiến từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Hội đồng cố vấn chính phủ cách mạng lâm thời cộng H miền nam Việt Nam tặng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền..., xét thấy bị cáo Phùng Thị H không có tài sản có giá trị; bị cáo Phùng Xuân T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và các bị cáo còn phải bồi thường, bồi hoàn số tiền lớn cho người bị hại, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[7] Đối với các đối tượng có liên quan đến vụ án:

Theo bị cáo Phùng Xuân T khai nhận, số tiền 600.000.000 đồng nhận của Nguyễn Thị O, bị cáo đã đưa cho Trần Quốc Du, sinh năm 1963, trú tại Đội 1, xã Tà Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội 200.000.000 đồng, đưa cho Phạm Ngọc Đoàn, sinh năm 1962, trú tại phố Vôi, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín TP Hà Nội 200.000.000 đồng để nhờ Du, Đoàn xin đi học cho cháu M. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định: Ngày 12/01/2020 Trần Quốc Du đã tử vong nên không có tài liệu xác minh để làm rõ lời khai của T, còn đối với Phạm Ngọc Đoàn khẳng định không nhận tiền từ T để xin đi học cho người khác, ngoài lời khai và đối chất giữa Đoàn - T, không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh Đoàn có liên quan đến vụ án.

- Đối với Đoàn Bá D, sinh năm 1960, trú tại Khu 9, phường C, TP V, tỉnh P; Phùng Văn T, sinh năm 1960, trú tại bản Nà Xe, xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1968, trú tại Đội 1, Thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội; Bùi Văn Thuận, sinh năm 1992, trú tại thôn Vọng Th, xã Thành Tựu, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Do có quan hệ quen biết, đã giới thiệu cho các bị hại gặp T, H để xin đi học, đi làm. Tuy nhiên, những người này không biết T, H thực hiện hành vi lừa đảo, những người này cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu nêu trên, nên không có căn cứ xác định là đồng phạm với các bị cáo trong vụ án.

- Đối với Lê Văn Q và Nguyễn Thế N: Ngày 29/7/2019, Lê Văn Q, sinh năm 1996, trú tại tổ 5, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và Nguyễn Thế N, sinh năm 1967, trú tại tổ 9, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình được Phùng Thị H, Đoàn Bá D nhờ chở đến nhà Nguyễn Thị O ở huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Cả hai chỉ lái xe trả công, không biết mục đích, không được tham gia vào quá trình phạm tội của T và H, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Lê Văn Q, Nguyễn Thế N.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ kết quả điều tra, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định: bị cáo Phùng Thị H đã chiếm đoạt tài sản của 05 người bị hại với số tiền là 827.000.000 đồng; bị cáo Phùng Xuân T chiếm đoạt tài sản của 01 người bị hại với số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi bị tố giác, các bị cáo chưa trả tiền để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Người bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ pháp luật;

Buộc bị cáo Phùng Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho 05 người bị hại với tổng số tiền là 827.000.000 đồng, gồm:

Trả lại ông Nguyễn Xuân Ng số tiền 107.000.000 đồng;

Trả lại bà Nguyễn Thị L số tiền 85.000.000 đồng;

Trả lại bà Nguyễn Thị H1 số tiền 285.000.000 đồng;

Trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền 160.000.000 đồng;

Trả lại bà Trương Thị L số tiền 190.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Phùng Xuân T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị O số tiền 600.000.000 đồng,

[9] Về xử lý vật chứng vụ án:

* Đối với số vật chứng thu giữ của Phùng Thị H, xác định là những đồ vật, tài sản bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch tiêu hủy, gồm:

- 01 quần dài loại an ninh nhân dân; 01 đôi giày nữ Công an nhân dân; 01 đôi tất Công an nhân dân; 01 bộ ve hàm, quần hàm Công an nhân dân; 01 cà vạt Công an nhân dân do Bùi Thị Ngọc L1 giao nộp.

- 02 (Hai) Bộ trang phục quần, áo Công an nhân dân nữ xuân hè, trang phục đã qua sử dụng; 02 (Hai) Chiếc áo trang phục Công an nhân dân nữ thu đông, trang phục đã qua sử dụng, thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phùng Thị H.

- 01 (một) Bộ quần áo cảnh sát xuân hè nữ, quần áo đã qua sử dụng; 01 (một) Bộ ve hàm đại úy Công an, ve hàm đã qua sử dụng; 01 (một) Đôi giày da đen, do Công ty 19-5 BCA sản xuất năm 2016, cỡ 38, giày đã qua sử dụng; 01 (một) Đôi tất màu xanh, không rõ nhãn hiệu, tất đã qua sử dụng; 01 (một) Chiếc thẻ AGRIBANK có số 9704050767327476, mang tên Phùng Thị H, thẻ cấp tháng 10/2014, thẻ đã qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh công an nhân dân có số 324-253, mang tên Nguyễn Thanh Huyền, do Công an tỉnh H cấp ngày 01.10.2011; 01 (một) Chiếc thẻ học viên hệ liên thông trường Đại học Phòng cháy chữa cháy Bộ Công an mang tên Nguyễn Thanh Huyền; 01 (một) Chiếc biển hiệu có số 324-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền. Thu giữ của Phùng Thị H.

* Đối với 01 (một) Chứng minh nhân dân có số 113076592, mang tên

Phùng Thị H, do Công an tỉnh H cấp ngày 22.02.2019. và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 có số 011118016377, mang tên Phùng Thị H, do Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 28/6/2019. Xét thấy là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Phùng Thị H.

* Đối với 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, xét thấy các bị cáo sử dụng 04 chiếc điện thoại này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng (điện thoại cảm ứng), imei có 04 số cuối 6381, kèm 01 sim trong điện thoại và 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu đen (điện thoại cảm ứng, do Phùng Thị H giao nộp;

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS, màu đen và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Phùng Xuân T

[10] Về án phí:

Bị cáo Phùng Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phùng Xuân T, sinh năm 1954, là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phùng Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị H 15 (mười lăm) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Phùng Thị H phải chấp hành là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/7/2019).

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phùng Xuân T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Phùng Xuân T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/7/2019).

2. Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 579, 584; 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Phùng Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho 05 người bị hại với tổng số tiền là 827.000.000 đồng (*Tám trăm hai mươi bảy triệu đồng*), gồm: Ông Nguyễn Xuân Ng 107.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L 85.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H1 285.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Th 160.000.000 đồng; Bà Trương Thị L 190.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phùng Xuân T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho người bị hại Nguyễn Thị O số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

*** Tịch tiêu hủy:**

- 01 (một) Hộp vật chứng còn Ngn niêm phong, một mặt hộp vật chứng có ghi dòng chữ: *“01 quần dài loại an ninh nhân dân; 01 đôi giày nữ Công an nhân dân; 01 đôi tất Công an nhân dân; 01 bộ ve hàm, quần hàm Công an nhân dân; 01 cà vạt Công an nhân dân do Bùi Thị Ngọc L1 giao nộp”*. Tại mép giáp lại được dán giấy niêm phong tên giấy niêm phong có dòng chữ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La, giấy niêm phong và 08 dấu tròn đỏ của của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La cùng chữ ký dòng ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong của Bùi Thanh Bình, Bùi Thị Ngọc L1.

(B bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 01/10/2019 thì vật chứng thu giữ là 01 quần dài của ngành Công an nhân dân (loại quần an ninh nhân dân), có chiều dài 95cm, tại cặp quần bên trong có mác “Công ty 19-5 BCA Trang phục đông 2016, số 4 01 đôi giày nữ Công an nhân dân, màu đen, bên trong có mác “Công ty 19-5 BCA sx năm 2016, đế giày có chữ TCHC-KT-Cty 19.5 và số 37”; 01 đôi tất ngành Công an nhân dân; 01 bộ ve hàm, quần hàm học viên của Công an nhân dân; 01 cà vạt loại Công an nhân dân có mác ghi “Công an thành phố Hà Nội, Công ty TNHH MTV tháng 8-109 Phố Nhuế - HN-2013 và số 44 ”).

- 02 (Hai) Bộ trang phục quần, áo Công an nhân dân nữ xuân hè, trang phục đã qua sử dụng; 02 (Hai) Chiếc áo trang phục Công an nhân dân nữ thu đông, trang phục đã qua sử dụng; 01 (một) Bộ quần áo cảnh sát xuân hè nữ, quần

áo đã qua sử dụng; 01 (một) Bộ ve hàm đại úy Công an, ve hàm đã qua sử dụng; 01 (một) Đôi giày da đen, do Công ty 19-5 BCA sản xuất năm 2016, cỡ 38, giày đã qua sử dụng; 01 (một) Đôi tất màu xanh, không rõ nhãn hiệu, tất đã qua sử dụng; 01 (một) Chiếc thẻ AGRIBANK có số 9704050767327476, mang tên Phùng Thị H, thẻ cấp tháng 10/2014, thẻ đã qua sử dụng. Do Phùng Thị H giao nộp; 01 (một) Chứng minh công an nhân dân có số 324-253, mang tên Nguyễn Thanh Huyền, do Công an tỉnh H cấp ngày 01.10.2011; 01 (một) Chiếc thẻ học viên hệ liên thông trường Đại học Phòng cháy chữa cháy Bộ Công an mang tên Nguyễn Thanh Huyền; 01 (một) Chiếc biển hiệu có số 324-253 mang tên Nguyễn Thanh Huyền;

*** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng (điện thoại cảm ứng), imei có 04 số cuối 6381, kèm 01 sim trong điện thoại; 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu đen (điện thoại cảm ứng), imei: 356825074027905 bên trong gắn một sim số 0969393290, thu giữ của Phùng Thị H;

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS, màu đen có 02 imei và 04 số cuối: Imei 1: 1747; Imei 2: 2549, kèm 02 sim trong điện thoại, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, có 02 imei và 04 số cuối: Imei 1: 977/9; Imei 2: 977/7, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Phùng Xuân T;

*** Trả lại cho bị cáo Phùng Thị H:**

- 01 (một) Chứng minh nhân dân có số 113076592, mang tên Phùng Thị H, do Công an tỉnh H cấp ngày 22.02.2019.

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 có số 011118016377, mang tên Phùng Thị H, do Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 28/6/2019;

(Theo B bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La ngày 08/9/2020).

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phùng Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.810.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng cả hai khoản án phí bị cáo Phùng Thị H phải nộp là 37.010.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm linh mười nghìn đồng).

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bị cáo Phùng Xuân T.

6. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo; Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh H Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

